

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
Số: 21/2020/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2020

DEN	Số: 802
Chuyển:	Ngày: 4/3/2020
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

1. Điều h khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“h) Sửa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;”.

2. Khoản 3 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Sở Tài chính:

- Thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá (trừ mặt hàng thuộc theo quy định tại điểm b khoản này) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó không bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh sách đăng ký giá tại trung ương do Bộ Tài chính công bố. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá tại địa phương;

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Sở Y tế:

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuộc trên địa bàn tỉnh, trong đó không bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh sách đăng ký giá tại trung ương. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá tại địa phương.”

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuộc quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 3 Quy định này trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Công Thương: Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Quy định này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn (trừ mặt hàng thuộc quy định tại điểm b khoản này).

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện đăng ký giá của các đối tượng nêu trên gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.”.

3. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“1. Hàng hóa, dịch vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)”.

4. Khoản 2 Điều 6 sửa đổi tại điểm d, điểm g và bổ sung điểm m, điểm n như sau:

“2. Hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành, cụ thể:

“d) Giá tài sản là nhà để tính lệ phí trước bạ;”

“g) Giá mua, giá cho thuê tài sản nhà nước hoặc giá thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tinh về quản lý, sử dụng tài sản công;”

“m) Giá khởi điểm để bán, thanh lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

n) Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.”.

5. Khoản 1 và khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tinh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tinh;

- Đơn giá bồi thường cây trồng, thuỷ sản và đào, đắp ao nuôi trồng thuỷ sản; đơn giá hỗ trợ tiền thuê nhà ở; đơn giá bồi thường di chuyển mồ phục vụ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tinh;

- Giá bán nhà, trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp có vốn nhà nước khi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;

- Giá tài sản là nhà để tính thu lệ phí trước bạ.

b) Chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tinh phê duyệt phương án giá do các cơ quan chuyên ngành lập và đề nghị:

- Giá báo Hải Dương;

- Giá trị của doanh nghiệp nhà nước thuộc tinh quản lý khi thực hiện cỗ phần hóa, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

- Giá dịch vụ thoát nước;

- Giá tính thuế tài nguyên;

- Giá nước sạch sinh hoạt;

- Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính;
 - Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
 - Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
 - Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;
 - Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ;
 - Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
 - Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
 - Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
 - c) Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị chuyên ngành lập theo quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các cơ quan chuyên ngành lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính, cụ thể:
- a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đơn giá trồng rừng thay thế; giá rừng, bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
 - b) Sở Xây dựng: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; đơn giá bồi thường nhà cửa, công trình kiến trúc; giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà chung cư;
 - c) Sở Giao thông Vận tải: Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương; giá dịch vụ xe ra, vào bến ô tô;
 - d) Sở Công Thương: Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển;
 - đ) Cục Thuế tỉnh: Giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;
 - e) Tổ chức được giao quản lý công trình kết cấu hạ tầng: Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.
 - g) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý được giao quản lý, sử dụng tài sản công: Giá mua, giá cho thuê tài sản nhà nước hoặc giá thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.”
- 6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**
- “1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ);

c) Giá thuê bao truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh.”

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; tiếp nhận văn bản kê khai giá:

a) Sở Tài chính:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn tỉnh (trừ mặt hàng thuốc và dịch vụ khám chữa bệnh), trong đó không bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh sách kê khai giá tại trung ương và công khai danh sách trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương.

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này).

b) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thực hiện kê khai giá mặt hàng thuốc và dịch vụ khám chữa bệnh thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này trên địa bàn tỉnh, trong đó không bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh sách kê khai giá tại Trung ương và công khai danh sách trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá tại địa phương.

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

c) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá, dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy

định khung giá và cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

d) Sở Công Thương: Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ là thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn (trừ mặt hàng thuộc quy định tại điểm b khoản này). Thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn, công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Định kỳ tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện kê khai giá của các đối tượng nêu trên gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

3. Cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính); riêng kê khai giá cước vận chuyển hành khách bằng xe ô tô thực hiện theo hướng dẫn của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2020; các nội dung khác của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND Tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP, Thu (80b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Đức Sáng